

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay chuyển lên giao dịch giằng co quanh ngưỡng 1,365. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,366.77 điểm, tăng gần 9 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bất động sản, Dịch vụ tài chính. Ở chiều ngược lại, ngành Tiện ích, Dầu khí giảm mạnh sau thông tin tích cực liên quan tới cuộc xung đột tại Trung Đông. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và UPCOM, bán ròng trên sàn HNX. Chỉ số bật tăng lên ngưỡng kháng cự tiếp theo với thanh khoản cải thiện nhưng vẫn ở mức thấp, cùng với cây nến cho thấy sự giằng co rõ rệt trong tâm lý thị trường. Trong những phiên tới, rung lắc trong vùng 1,350 – 1,365 có thể xảy ra.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 24/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+8.59** điểm, đóng cửa tại **1366.77** điểm. HNX-Index **+0.37** điểm, đóng cửa tại **227.79** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+3.27)**, **VIC (+2.77)**, **HVN (+0.74)**, **BVH (+0.52)**, **MSN (+0.43)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.80)**, **BSR (-0.61)**, **PLX (-0.60)**, **PVD (-0.15)**, **GVR (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **22,242** tỷ đồng, tăng **21.93%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 25,658 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.71 điểm. Thị trường có **176** mã tăng, 65 mã tham chiếu, **127** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **228.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VND (214.85 tỷ)**, **DGW (213.14 tỷ)**, **SSI (150.52 tỷ)**, **HPG (135.36 tỷ)**, **VHM (73.06 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-103.26** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.25%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+4.46%) [\(Link báo cáo\)](#)
HCM (+3.04%)
HSG (+2.45%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.51%**. Các mã diễn biến tích cực:
BVH (+5.66%)
GEX (+3.76%) [\(Link báo cáo\)](#)
TNG (+3.59%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.25%	0.51%	0.63%	1.00%
1 tuần	0.48%	0.07%	1.42%	2.19%
1 tháng	7.32%	5.38%	3.98%	3.79%
3 tháng	0.78%	-1.40%	3.07%	5.89%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,366.77	227.79	99.34
% 1D	0.63%	0.16%	0.41%
GTKL (tỷ VND)	22,242	2,032	538
%1D	21.93%	14.98%	-14.29%
GDNN (tỷ VND)	228.93	-103.26	3.29

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VND	214.85	HCM	-114.78
DGW	213.14	VPB	-79.65
SSI	150.52	VCB	-76.66
HPG	135.36	STB	-61.40
VHM	73.06	GEX	-57.19

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

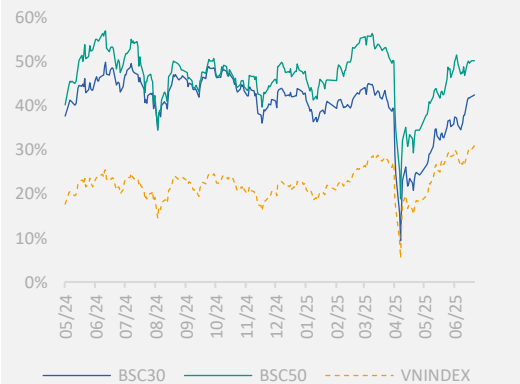
		%D	%W
SPX	6,025	0.96%	0.81%
FTSE100	8,789	0.36%	-0.51%
Eurostoxx	5,305	1.58%	0.23%
Shanghai	3,421	1.15%	0.98%
Nikkei	38,791	1.14%	0.68%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	69.22	-0.74%
Giá vàng	3,326	-1.26%
Tỷ giá		
USD/VND	26,310	0.12%
EUR/VND	31,129	1.03%
JPY/VND	184	1.10%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.00%
LS LNH 1M	3.5%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	77.30	4.46%	3.27	4.11
VIC	95.80	3.23%	2.77	3.88
HVN	37.90	3.84%	0.74	2.21
BVH	54.10	5.66%	0.52	0.74
MSN	69.20	1.76%	0.43	1.51

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	43.70	2.58%	0.24	0.33
MBS	27.30	2.25%	0.22	0.57
SHS	13.00	2.36%	0.18	0.89
IPA	14.10	3.68%	0.07	0.21
BAB	11.70	0.86%	0.06	0.96

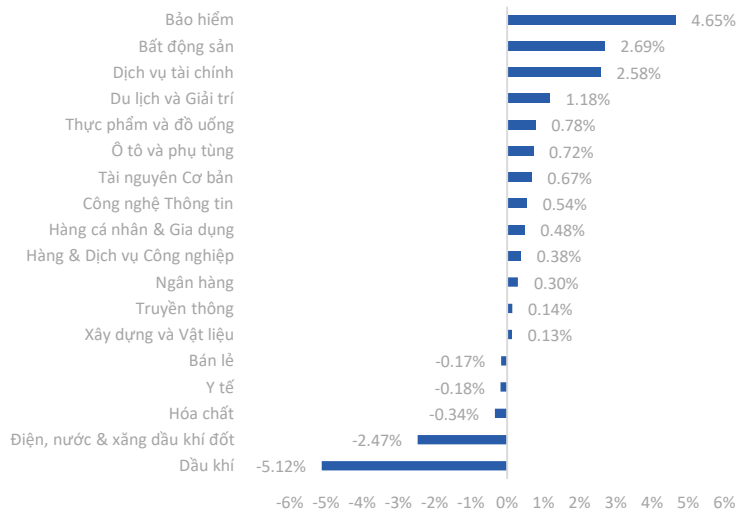
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HRC	31.10	6.87%	0.01	0.00
ITC	15.00	6.76%	0.02	1.41
SFI	27.70	6.54%	0.01	0.00
VND	16.85	6.31%	0.37	46.15
PDN	103.00	6.19%	0.05	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTW	45.20	9.98%	0.16	0.00
BDB	8.90	9.88%	0.00	0.00
SGD	14.50	9.85%	0.02	0.00
QST	19.50	9.55%	0.02	0.00
VCM	7.40	8.82%	0.01	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	69.10	-4.82%	-1.80	2.34
BSR	17.90	-4.79%	-0.61	3.10
PLX	38.05	-5.35%	-0.60	1.27
PVD	20.45	-5.76%	-0.15	0.56
GVR	29.65	-0.50%	-0.14	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	33.00	-5.98%	-0.60	0.48
CEO	18.20	-1.62%	-0.10	0.54
DTK	12.40	-1.59%	-0.09	0.68
NTP	75.60	-1.05%	-0.07	0.14
PVC	12.10	-9.02%	-0.06	0.08

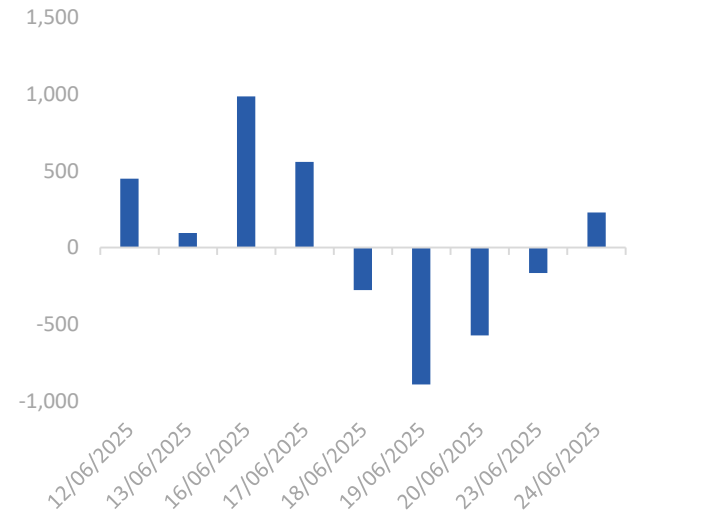
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PNC	22.10	-5.96%	0.00	0.00
PVD	20.45	-5.76%	-0.15	16.78
PLX	38.05	-5.35%	-0.60	2.97
GAS	69.10	-4.82%	-1.80	2.64
BSR	17.90	-4.79%	-0.61	6.98

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TKU	13.60	-9.93%	-0.24	0.00
VC6	36.40	-9.90%	-0.15	0.00
MED	25.80	-9.79%	-0.12	0.00
PTX	20.00	-9.50%	-0.05	0.00
MAS	32.70	-9.17%	-0.05	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	64.9	-0.2%	1.4	95,983	569.9	2,977	21.8		48.0%	
KBC	Bất động sản	25.8	-1.0%	1.4	19,804	192.8	1,629	15.8		17.6%	
KDH	Bất động sản	29.6	0.2%	1.3	29,879	83.0	896	33.0		35.5%	
PDR	Bất động sản	17.9	0.0%	1.7	16,240	232.2	180	99.7	23,600	9.5%	Link
VHM	Bất động sản	77.3	4.5%	0.9	317,503	598.1	7,766	10.0	81,300	10.6%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	116.5	0.5%	0.9	172,575	1505.8	5,613	20.8	136,500	40.6%	Link
BSR	Dầu khí	17.9	-4.8%	0.0	55,499	126.1	(37)	-487.0		0.3%	
PVS	Dầu khí	33.0	-6.0%	1.5	15,773	486.6	2,303	14.3	38,600	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	20.9	3.0%	1.4	22,517	372.8	1,392	15.0		37.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	24.3	2.3%	1.2	47,917	1178.2	1,545	15.7		34.7%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.8	1.7%	1.3	25,708	296.7	1,602	22.3		29.0%	
DCM	Hóa chất	36.4	-1.2%	1.5	19,244	207.1	2,805	13.0	37,800	5.0%	Link
DGC	Hóa chất	96.5	0.1%	1.4	36,649	216.3	8,224	11.7	109,300	14.8%	Link
ACB	Ngân hàng	21.3	-0.2%	0.8	109,411	183.7	3,224	6.6	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	36.0	0.4%	0.8	252,769	158.7	3,643	9.9	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.6	0.5%	1.1	223,123	410.6	4,806	8.7	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	22.0	0.0%	1.1	76,717	550.0	3,985	5.5	26,400	16.6%	Link
MBB	Ngân hàng	25.9	0.0%	1.0	158,049	730.2	4,049	6.4	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.0	0.0%	1.0	31,200	77.9	2,150	5.6	14,000	27.8%	Link
STB	Ngân hàng	46.5	0.1%	1.0	87,663	521.8	5,767	8.1		20.0%	
TCB	Ngân hàng	34.0	0.6%	1.1	240,205	1133.5	3,013	11.3	33,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.3	-0.4%	1.0	35,006	92.4	2,383	5.6	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	56.6	0.0%	0.8	472,931	265.8	4,063	13.9	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	18.2	0.8%	0.9	54,071	137.6	2,400	7.6	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.6	0.8%	1.0	147,174	796.1	2,030	9.1	24,000	24.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	27.0	0.6%	1.3	172,699	754.7	1,954	13.8	35,800	22.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.8	2.5%	1.7	10,401	69.6	749	22.4	16,800	8.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	31.8	-0.2%	1.6	10,642	231.7	3,930	8.1	32,200	4.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	69.2	1.8%	1.3	99,534	962.1	1,518	45.6	82,500	24.9%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	56.4	0.9%	0.6	117,873	158.3	4,194	13.5	64,500	48.5%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.0	0.00%	1.5	9,424	317.7	2,098	20.5	23.2%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	172.0	-0.12%	0.7	23,434	61.3	3,279	52.5	32.3%	24.0%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.1	5.66%	1.1	40,160	52.6	2,975	18.2	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.3	0.87%	1.6	11,183	248.4	303	57.1	3.2%	2.5%	
DXG	Bất động sản	16.6	3.11%	1.7	16,913	396.8	310	53.6	23.6%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.3	1.20%	1.4	4,512	103.6	443	57.2	3.4%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.2	1.95%	1.4	9,693	223.3	762	34.4	19.5%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	43.7	2.58%	1.6	14,421	279.6	4,982	8.8	17.5%	31.2%	
NLG	Bất động sản	37.0	2.21%	1.6	14,248	115.8	1,827	20.3	45.9%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	67.2	0.30%	0.0	14,148	66.6	6,076	11.1	4.4%	29.7%	
SZC	Bất động sản	35.4	0.57%	1.4	6,363	169.8	2,036	17.4	2.4%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	19.5	2.10%	1.5	12,997	111.8	1,279	15.2	10.3%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	95.8	3.23%	1.1	366,307	397.8	2,823	33.9	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	24.9	0.61%	1.0	56,581	126.0	1,844	13.5	18.1%	10.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.4	1.68%	1.3	7,691	42.1	1,654	22.0	36.1%	12.5%	
PLX	Dầu khí	38.1	-5.35%	1.1	48,346	113.6	1,535	24.8	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	20.5	-5.76%	1.3	11,368	345.4	1,246	16.4	3.6%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	37.6	3.02%	1.7	12,636	326.6	1,650	22.8	27.6%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	27.3	2.25%	1.6	15,637	177.6	1,650	16.6	6.7%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.1	-4.82%	1.0	161,879	182.7	4,543	15.2	1.9%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	0.38%	1.3	30,679	177.0	546	24.0	3.4%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.3	-1.49%	0.9	35,912	93.9	3,922	16.9	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	88.1	0.69%	0.6	52,121	58.0	2,774	31.8	11.9%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	37.3	3.76%	1.7	33,614	999.7	1,954	19.1	8.6%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	56.0	0.90%	1.2	23,531	120.2	3,797	14.8	40.2%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	68.1	-2.16%	1.2	8,846	230.7	5,594	12.2	5.0%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.2	-4.71%	1.2	8,553	83.5	2,293	7.9	10.1%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	114.3	1.24%	0.0	13,920	62.0	3,235	35.3	5.9%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	80.2	-0.37%	1.1	27,100	30.2	6,105	13.1	48.9%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	30.8	1.99%	1.0	3,451	102.7	2,608	11.8	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	20.2	3.59%	1.6	2,477	70.3	2,580	7.8	16.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	38.1	0.00%	1.3	14,910	194.5	1,223	31.2	7.5%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	29.7	-0.50%	1.6	118,600	157.0	1,174	25.3	1.0%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	23.4	1.97%	1.1	43,495	509.6	1,856	12.6	5.2%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.8	0.63%	0.3	94,996	45.6	3,333	9.5	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.6	1.85%	0.0	22,716	25.3	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.9	-0.42%	1.0	29,220	60.0	1,189	10.0	19.4%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.2	1.54%	1.7	5,908	50.0	1,122	11.8	5.4%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	18.1	2.27%	1.6	4,806	71.4	612	29.5	1.3%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.4	-0.70%	0.6	10,762	109.6	1,396	25.4	3.6%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.7	0.81%	0.8	63,679	42.3	3,217	15.4	59.0%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	56.7	0.18%	1.3	12,726	98.4	5,567	10.2	22.2%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	139.0	2.36%	0.7	11,379	42.0	13,288	10.5	85.6%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	82.8	-0.48%	1.5	8,274	75.4	3,238	25.6	48.7%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	99.0	0.00%	1.3	11,324	63.7	4,754	20.8	9.5%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	44.2	-2.43%	1.7	4,450	69.8	2,336	18.9	7.4%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.4	0.40%	1.4	5,875	64.1	1,088	11.4	10.2%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.7	-0.69%	1.2	7,761	80.5	1,237	17.6	16.4%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.6	-1.59%	1.2	13,964	254.8	915	23.6	8.1%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.9	1.13%	1.5	20,131	46.3	2,720	16.5	5.6%	14.6%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
5	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
7	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
8	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
9	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
21	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
22	BSC_ Báo cáo ngành Q4.2024		x	Click
23	BSC_ Báo cáo ngành Q3.2024		x	Click
24	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2024		x	Click
25	BSC_ Báo cáo ngành Q1.2024		x	Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>